

**Hiểu và Thực hành Nông nghiệp Sinh thái cùng các Cộng đồng
Dân tộc Thiểu số Bản địa vùng Mekong**
www.speri.org/www.cendiglobal.org/livelihoodsovereignty.org
ttlanhnurturingnature@gmail.com

Nông nghiệp Sinh thái là một thuật ngữ bao hàm hai khái niệm Canh tác nông nghiệp và Sinh thái.

Nông nghiệp Sinh thái là: 1) Quan điểm mang tính đạo đức, có tầm nhìn, hướng tới mối quan hệ hài hòa giữa canh tác nông nghiệp và hệ sinh thái; 2) chiến lược sáng suốt để duy trì đa dạng thiên nhiên và bản sắc cộng đồng thông qua tri thức và công nghệ địa phương; 3) thực hành sử dụng đất dựa vào quyền công bằng nhằm đạt được giải pháp cùng có lợi cho muôn loài sống trong hệ sinh thái không bị lạm dụng (*một nền nông nghiệp tôn trọng giá trị vật chất, năng lượng và thông tin do hệ sinh thái mang lại*); 4) phương thức canh tác có khả năng thích ứng để phụng dưỡng những đặc thù sinh thái độc đáo của mỗi cảnh quan một cách tự nhiên; 5) cách hàn gắn và duy trì bản sắc sinh kế và sự thanh thản liên thế hệ. Tóm lại, Nông nghiệp Sinh thái (NNST) chú trọng thúc đẩy giá trị của sự Thanh thản Cộng đồng hơn giá trị của Sản xuất Cộng đồng.

Các quy định và nguyên tắc được áp dụng trong NNST chủ yếu dựa trên nền tảng: 1) sản xuất quy mô nhỏ mang tính địa phương thay vì sản xuất quy mô lớn mang tính toàn cầu; 2) duy trì giống bản địa của địa phương bằng chính sự minh triết và công nghệ địa phương để người nông dân có thể tự cung tự cấp và tự chủ thay vì áp dụng các giống lai mới nhờ công nghệ biến đổi gen, phân bón hóa học, thuốc trừ sâu dẫn đến tình trạng lệ thuộc vào thị trường; 3) làm giàu sản xuất nông nghiệp một cách sinh thái để phụng dưỡng đa dạng tự nhiên thay vì thúc đẩy sản xuất độc canh nhờ sử dụng hóa chất; 4) thúc đẩy kinh tế cộng đồng đoàn kết thay vì kinh tế TBCN mang tính toàn cầu; 5) sống hài hòa và bằng hữu với hệ sinh thái thay vì lạm dụng hệ sinh thái.

Như vậy, Nông nghiệp Sinh thái chú trọng sự minh triết và giá trị cuộc sống của người bản địa hơn là sự phát triển hiện đại theo hướng TBCN.

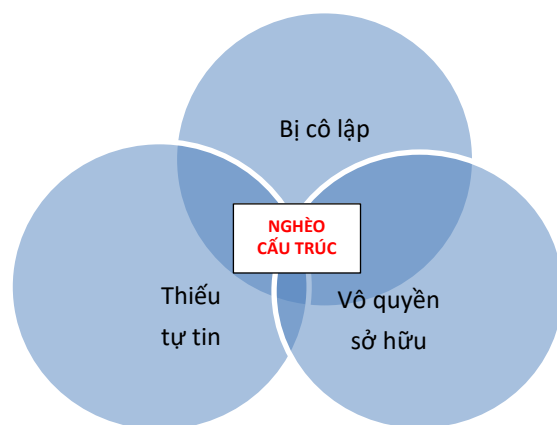
1. Khuyến khích và giàu hóa thực hành NNST với các tộc người bản địa

SPERI-CENDI đã dựa trên những giá trị của các tộc người bản địa trong “phụng dưỡng thiên nhiên” kể từ khi bắt đầu công việc phát triển cộng đồng những năm 1990.

Xóa nghèo cho các cộng đồng bản địa dựa trên triết lý “Phụng dưỡng thiên nhiên” hoàn toàn khác với cách tiếp cận “giảm nghèo” thông thường. Trong những năm 1980, khái niệm “giảm nghèo” bắt nguồn từ các nền kinh tế TBCN dựa vào thị trường của phương Tây đã xâm nhập vào các nước được gọi là “đang phát triển”. Khái niệm nghèo này được hiểu là “nghèo thu nhập” nhằm mục đích tăng khả năng kiếm thu nhập cao của người dân sống ở nông thôn bằng cách đẩy họ vào con đường làm thuê cho các nhà sản xuất để sản xuất ra hàng hóa nông

nghiệp quy mô lớn, phục vụ nền kinh tế TBCN trên phạm vi toàn cầu. Chiến lược “phát triển” này gắn liền với tình trạng tước đoạt đất đai quy mô lớn và phá hủy văn hóa truyền thống, cấu trúc xã hội và hoạt động thực hành tôn giáo của người bản địa.

Trong những năm 1990, chúng tôi đã định nghĩa khái niệm nghèo là “nghèo cấu trúc”, không phải là “nghèo thu nhập”, được mô tả là sự giao nhau giữa 3 vòng luẩn quẩn của 3 yếu tố không tách rời: *bị cô lập, thiếu tự tin và vô quyền sở hữu*.



Hình 1

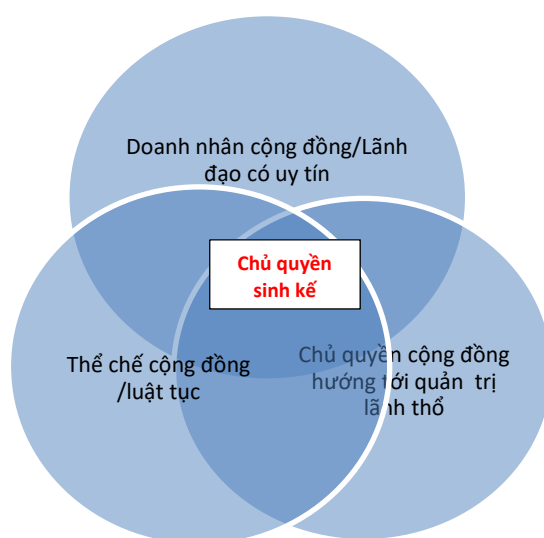
Trong đó, “*bị cô lập*” không chỉ có nghĩa là bị cô lập về vị trí địa lý mà còn là bị cô lập khỏi sự tham gia vào tiến trình ra quyết định các vấn đề, chính sách có ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của người DTTSBĐ, khiến họ không có quyền được nói lên tiếng nói của mình. Chính sự cô lập này đã khiến họ “*thiếu tự tin*” để tự bảo vệ và phản biện trước các quyết định, chính sách không phù hợp, đặc biệt là những quyết định xuất phát từ việc nhìn nhận cộng đồng DTTSBĐ là “*lạc hậu*”, “*mê tín*”. Hậu quả của sự thiếu tự tin khi làm việc với chính quyền địa phương đã đẩy họ vào tình cảnh “*vô quyền sở hữu*”, nghĩa là thiếu sự kiểm soát đối với đất đai, văn hóa và bản sắc của chính cộng đồng mình.

Lấy cảm hứng từ chính các cộng đồng DTTSBĐ, SPERI-CENDI đã định nghĩa “nghèo cấu trúc” là kết quả của việc mất “5 quyền cơ bản của Chủ quyền Sinh kế” gồm: 1) Quyền đối với đất, rừng, nước sạch và cảnh quan thiên nhiên (*cơ bản*); 2) quyền được duy trì niềm tin, tín ngưỡng của chính mình (*đặc thù*); 3) quyền được sống theo văn hóa của chính mình với những giá trị về hạnh phúc và thanh thản trong môi trường thiên nhiên (*thực hành*); 4) quyền được thực hành các kiến thức của chính mình và quyết định những gì để trồng, bắt đầu, sáng tạo và phát minh trên đất của chính mình (*tổng thể*); 5) quyền đồng quản trị tài nguyên thiên nhiên với cộng đồng xung quanh và chính quyền địa phương (*chiến lược*). 5 thước quyền này là vô cùng cần thiết đối với mỗi cộng đồng DTTS nếu họ muốn làm chủ tương lai và có được sự thanh thản.

Như đã đề cập ở trên, các quy định và nguyên tắc của SPERI – CENDI đều dựa trên những giá trị, luật tục của các cộng đồng bản địa để áp dụng trong công việc. Đặc biệt, kể từ đầu những năm 1990, chúng tôi đã nhận ra một thực tế quan trọng nhất đó là sự minh triết và kiến thức của cộng đồng đang bị mai một và bị tổn thương bởi việc thực hiện chính sách thúc đẩy nông

nghiệp độc canh vì mục tiêu thương mại áp đặt từ trên xuống ở những nơi các tộc người bản địa đang sinh sống. Họ đã bị đối xử như một xã hội lạc hậu và mê tín. Họ bị buộc phải rời khỏi đất, rừng của tổ tiên để đến sinh sống tại những vùng đất mới, nơi họ phải đối mặt với một nền nông nghiệp công nghiệp vị thương mại nhằm phục vụ lợi ích của các diện tích rừng và các công ty nông nghiệp do nhà nước sở hữu.

Đây chính là những thách thức đối với các cộng đồng bản địa từ những năm 1980, đồng thời cũng là động lực để SPERI-CENDI không ngừng nỗ lực nhằm *bảo vệ quyền của các tộc người bản địa, giúp họ được quay trở về với mảnh đất của tổ tiên*, thiết lập mạng lưới liên kết giữa các cộng đồng để thúc đẩy việc áp dụng minh triết và tri thức bản địa trong trồng trọt và canh tác thông qua các chiến lược: 1) Phá bỏ nghèo cấu trúc bằng mạng lưới nông dân nông cốt (1994-2000); 2) tăng cường sức mạnh về tổ chức và thể chế dựa vào mạng lưới nông dân nông cốt nhằm tạo ra những thay đổi về luật và chính sách (1994-2000); 3) Phát triển mạng lưới nông dân nông cốt trở thành mạng lưới MECO-ECOTRA – Canh tác sinh thái và thúc đẩy chuỗi sản phẩm sinh thái hướng tới thị trường ngách (2000-2010); 4) củng cố 5 quyền Chủ quyền Sinh kế (đã trình bày ở trên) - Chiến lược Phát triển Lãnh đạo trẻ DTTSBĐ và thúc đẩy hệ thống thương mại sinh thái (YIELDS-AGREE 2010-2015); 5) Thành lập Viện Phát triển Doanh nhân Cộng đồng (CENDI) như một giải pháp để thúc đẩy Phong trào YIELDS-AGREE thực hành canh tác NNST và doanh nhân cộng đồng liên lạc địa (2015-2025).



Thực hành nông nghiệp sinh thái – Các cấp độ

Từ những năm 1990 đến nay, SPERI-CENDI đã và đang cùng với các nông dân nông cốt tại Việt Nam, Lào, Thái Lan thúc đẩy 4 cấp độ thực hành NNST, bao gồm: 1) *Cấp hộ gia đình*, 2) *cấp cộng đồng*; 3) *cấp vùng*; 4) *cấp liên quốc gia*. Dù ở cấp độ nào, NNST cũng phải dựa trên 5 quyền Chủ quyền Sinh kế không tách rời, và chỉ khi dựa vào các thước quyền này, người nông dân mới có thể phục hồi được những minh triết và tri thức bản địa của họ nhằm duy trì phương thức canh tác truyền thống mà nhờ đó chúng tôi mới có thể áp dụng để phát triển hệ thống NNST. Tham khảo www.speri.org/ffs để hiểu rõ những bài học kinh nghiệm mà chúng tôi đã đúc rút được từ các tộc người bản địa để thực hành canh tác nương tựa vào hệ sinh thái, tư liệu hóa dưới dạng tài liệu, video, xây dựng giáo trình “Dạy thông qua học – Học thông qua làm” trong các Trường đào tạo thực hành nhà nông sinh thái (FFS) thuộc cả 4 cấp độ.

Nông nghiệp Sinh thái - Kết nối mạng lưới địa phương – Vận động chính sách giữa các nước vùng Mekong

Chúng tôi tiến hành chiến lược vận động hành lang và vận động chính sách tại 4 cấp độ song song, theo chiều ngang và chiều dọc. FFS cấp vùng (miền Bắc và Miền Trung Tây Nguyên) nhằm mục đích thay đổi tư duy về chính sách đào tạo nghề hiện nay đang chạy theo nông nghiệp thương mại thông thường; FFS cấp cộng đồng tại Lóng Lăn (Lào) nhằm mục tiêu thay vận động chính sách và kết nối với chính quyền địa phương; FFS cấp hộ gia đình truyền cảm hứng cho thế hệ trẻ trong các gia đình để họ ở lại quê hương và gắn bó với canh tác nông nghiệp thay vì bỏ ra thành phố để kiếm việc làm; FFS cấp liên quốc gia tại HEPA (nằm trong vùng rừng mưa nhiệt đới và đầu nguồn rộng 500 ha) nhằm thay đổi tầm nhìn của các nhà hoạch định chính sách của Quốc hội.

2. Nông nghiệp Sinh thái mang lại an toàn sinh kế cho hộ gia đình và cộng đồng

NNST không chỉ mang lại những lợi thế về an toàn sinh kế cho các hộ gia đình và cộng đồng, mà còn mang lại giải pháp tốt nhất để duy trì tình đoàn kết trong gia đình và cộng đồng thông qua phụng dưỡng mối quan hệ tâm linh đối với thiên nhiên. Đó đồng thời là công cụ để giàu hóa đa dạng sinh học, bảo tồn giống loài bản địa, đảm bảo nguồn dinh dưỡng đầy đủ cho con người, đất, đặc biệt là nguồn năng lượng của các vi sinh vật sống trong đất bằng cách loại bỏ các chất ô nhiễm chứa hóa chất nhân tạo, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên. Trong tất cả mọi khía cạnh, NNST đều tôn trọng mối quan hệ vật chất và tâm linh của các tộc người bản địa trong cộng đồng họ và đối với thiên nhiên. Và vì vậy, giá trị của sản phẩm NNST không thể được đánh giá theo cùng phương pháp tính toán áp dụng cho các sản phẩm nông nghiệp thông thường khác. Ngoài việc rất có lợi cho sức khỏe, sản phẩm NNST còn phụng dưỡng các sinh vật sống trong đất, bảo tồn sự tinh khiết của hệ thủy trong lòng đất, đảm bảo sự sống cho các loài bản địa và bảo vệ sự minh triết địa phương không bị mai một và phá hủy bởi cách ứng xử chạy theo lợi nhuận trước mắt. Ngoài ra, cần phải nhận thức rằng *một cây to có thể cung cấp 800 lít nước/ngày và hấp thụ 1000 kg CO₂/tháng, và 1 mm đất bề mặt phì nhiêu mà phải mất 500 năm mới được hình thành có thể bị xói mòn bởi việc canh tác nông nghiệp thông thường sử dụng hóa chất trong vòng chỉ vài năm* để hiểu được chi phí cho việc hoàn phục đất chưa được tính toán có thể lên tới hàng tỷ Euro.

3. Nông nghiệp sinh thái giàu hóa các lợi thế về tiến bộ xã hội

Như đã định nghĩa ở trên, NNST cần phải dựa trên sự minh triết và kinh nghiệm địa phương hơn là khoa học lý thuyết và cuộc chạy đua tối ưu hóa lợi nhuận. Đối với phần lớn thế giới hiện nay, đã quá muộn để có thể chuyển đổi sang NNST, nhưng ở một số nơi trên thế giới, các hình thức canh tác sinh thái vẫn đang được duy trì và bảo tồn bởi các tộc người bản địa như Bhutan, Lào và một số vùng rừng núi xa xôi của Việt Nam. Các hệ thống canh tác này cần được bảo tồn, tăng cường, củng cố và bảo vệ khỏi sự xâm chiếm và di dời bởi các hình thức nông nghiệp công nghiệp thương mại tàn phá hệ sinh thái. Như đã phân tích ở trên, con đường tiếp theo là bảo vệ và thúc đẩy ở khắp mọi nơi trên thế giới: 1) sản xuất quy mô nhỏ mang tính địa phương thay vì sản xuất quy mô lớn mang tính toàn cầu; 2) duy trì giống bản địa của địa phương bằng chính sự minh triết và công nghệ địa phương để người nông dân có thể tự cung

tự cấp và tự chủ thay vì áp dụng các giống lai mới nhờ công nghệ biến đổi gen, phân bón hóa học, thuốc trừ sâu dẫn đến tình trạng lệ thuộc vào thị trường; 3) làm giàu sản xuất nông nghiệp một cách sinh thái để phụng dưỡng đa dạng tự nhiên thay vì thúc đẩy sản xuất độc canh nhờ sử dụng của hóa chất; 4) thúc đẩy kinh tế cộng đồng đoàn kết thay vì kinh tế TBCN mang tính toàn cầu; 5) sống hài hòa và bằng hữu với hệ sinh thái thay vì lạm dụng hệ sinh thái.

4. Những rào cản trong phát triển thực hành Nông nghiệp Sinh thái

1) Đất đai của các tộc người bản địa bị lấy mất bởi các công ty lớn và các doanh nghiệp nhà nước, sau đó được chuyển đổi sang canh tác nông nghiệp công nghiệp vì mục tiêu lợi nhuận ngắn hạn; 2) sự phá hủy các giá trị sinh kế truyền thống gây ra bởi các tổ chức phát triển phương Tây khiến thanh niên phải rời bỏ làng quê ra các thành phố tìm việc làm thuê; 3) sự mai một kiến thức bản địa bởi chính sách đào tạo nghề theo định hướng nông nghiệp công nghiệp phục vụ mục đích thương mại.

Những kiến nghị cần tiếp tục thảo luận mở

1) Bảo vệ quyền của gia đình và cộng đồng đối với đất rừng; 2) càng sớm càng tốt lưu giữ giống bản địa bằng sự minh triết và kiến thức địa phương; 3) xây dựng mạng lưới nông dân nông cốt và tăng cường sức mạnh về tổ chức và thể chế để ngày càng lớn mạnh hơn, nhằm vận động chính sách để thu hồi đất, rừng từ các công ty và doanh nghiệp nhà nước; 4) xây dựng thêm nhiều các mô hình trường đào tạo thực hành nhà nông sinh thái (FFS) cấp độ hộ gia đình và cộng đồng; 5) Chuẩn bị giáo trình thực hành cho 4 cấp độ: gia đình, cộng đồng, vùng, liên quốc gia và đăng tải trên website; 6) tăng cường, củng cố FFS liên quốc gia để có thể hợp tác với Trường ĐH Nông nghiệp và ĐH Lâm nghiệp nhằm thu hút lực lượng thanh niên đến học về NNST; 7) kết nối toàn cầu các nhà hoạt động trẻ là những người thực hành NNST để trở thành một phong trào rộng khắp toàn thế giới; 8) xây dựng mối quan hệ với các cơ quan phát thanh - truyền hình như một kênh để xây dựng cơ sở dữ liệu; 9) hợp tác với các cơ quan truyền thông các cấp để thúc đẩy NNST quy mô nhỏ cho tất cả các vùng; 10) mở các khóa đào tạo ngắn hạn cho các thực tập sinh thuộc mọi lứa tuổi được trải nghiệm thực hành NNST.